



SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
CHỨC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 14 tháng 1 năm 2025

GIẤY TIẾP NHẬN
Bản tự công bố sản phẩm thực phẩm

Người tiếp nhận: Nguyễn Thị Thu Trâm

Tiếp nhận hồ sơ của: CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU.

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Số điện thoại: 029693823604.

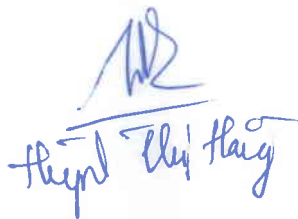
Danh mục sản phẩm tự công bố:

Stt	Tên sản phẩm	Số tự công bố	Ngày công bố
01	ĐƯỜNG THÔ – RAW SUGAR	01/TTCA/2025	14/1/2025

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời gian nhận hồ sơ: 10 giờ 40 phút, ngày 14 tháng 01 năm 2024.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Hằng

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Thu Trâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TTCA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Địa chỉ: 114 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG PHÙ ĐỔNG, THÀNH PHỐ
PLEIKU, TỈNH GIA LAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 0269.3823604 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 5900764381

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG THÔ - RAW SUGAR**

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: bao 50kg, 1000kg.
- Chất liệu bao gói 50 kg: sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bao PE bên trong và lớp bao PP bên ngoài.
- Chất liệu bao gói 1000 kg: sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bao PE bên trong và lớp bao PP bên ngoài. Miệng trên bao có kết cấu ống nạp, đáy bao có ống xả, bao được thiết kế có 4 quai nâng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên Công ty sản xuất: CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU.

Địa chỉ sản xuất: Bản KhamVongSa, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận VN008941-2 ngày cấp 18/01/2024 nơi cấp Bureau Veritas.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm mẫu nhãn chính và nhãn phụ của sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn quốc gia: Phù hợp với TCVN 6961:2023 mục 6. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG



VŨ THỊ LAN

20 cm



ນ້ຳຕານດິບ ĐƯỜNG THỎ

ບໍລິມາດສຸດທ/KHỐI LƯỢNG TÍNH: **50 KG**
ສ່ວນປະກອບ/THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

ຜະລິດຕະພັນຂອງ/SẢN PHẨM CỦA:

ບໍລິສັດ ນ້ຳຕານອ້ອຍ ທີທີຊີ ອັດຕະປື ຈຳກັດຜູ້ດຽວ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
ບ້ານ ຄຳວົງສາ, ເມືອງພູວົງ, ແຂວງອັດຕະປື, ປະເທດລາວ
Bản KhamVongSa, Huyện Phú Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
Website: www.ttcagris.com.vn

ນຳເຂົ້າໂດຍ: ບໍລິສັດ ນ້ຳຕານອ້ອຍ ທີທີຊີ ອັດຕະປື ຈຳກັດ

Nhập khẩu bởi: **CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU**

ທີ່ຢູ່: **114** ເຕຣືອງຈິງ, ເພືອງຝູດົງ, ນະຄອນ ເປລກູ, ຍາລາຍ, ຫວຽດນາມ
Địa chỉ: **114 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Gia Lai, Việt Nam**

- ໃຊ້ໂດຍກົງ ຫຼື ໃຊ້ໃນການປຸງແຕ່ງອາຫານ
- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- ເກັບຮັກສາໄວ້ໃນບ່ອນແຫ້ງ, ເຢັນ, ຫຼີກລ້ຽງຄວາມຊຸ່ມຊື່ນ, ອຸນຫະພູມສູງ ແລະ ພາຍໃຕ້ແສງແດດ
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MẬT, TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- ເຄື່ອນ: ບໍ່ໃຊ້ຕະລິດຕະພັນເມື່ອມີການເປ່ຼຍ
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- ໃຊ້ດີທີ່ສຸດກ່ອນ 24 ເດືອນນັບແຕ່ມີຕະລິດ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

10 cm



ĐƯỜNG THỎ

50 KG

50 KG

ĐƯỜNG THỎ

30 cm



ນ້ຳຕານດິບ DUONG THO

ບໍລິມາດສຸດທ/KHỐI LƯỢNG TÍNH: 1000 KG
ສ່ວນປະກອບ/THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

ຜະລິດຕະພັນຂອງ/SẢN PHẨM CỦA:

ບໍລິສັດ ນ້ຳຕານອ້ອຍ ທີທີຊີ ອັດຕະປື ຈຳກັດ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
ບ້ານ ຄຳວົງສາ, ເມືອງພູວົງ, ແຂວງອັດຕະປື, ປະເທດລາວ
Bản KhamVongSa, Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
Website: www.ttcagris.com.vn

ນຳເຂົ້າໂດຍ: ບໍລິສັດ ນ້ຳຕານອ້ອຍ ທີທີຊີ ອັດຕະປື ຈຳກັດ

Nhập khẩu bởi: CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

ທີ່ຢູ່: 114 ເຕຣືອງຈິງ, ເພືອງຜູດົງ, ນະຄອນ ເປລກູ, ຍາລາຍ, ຫວຽດນາມ
Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Gia Lai, Việt Nam

- ໃຊ້ໂດຍກົງ ຫຼື ໃຊ້ໃນການປຸງແຕ່ງອາຫານ
- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- ເກັບຮັກສາໄວ້ໃນບ່ອນແຫ້ງ, ເຢັນ, ຫຼີກລົງຄວາມຊຸ່ມຊື່ນ, ອຸນຫະພູມສູງ ແລະ ພາຍໃຕ້ແສງແດດ
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT, TRÁNH NƠI ẤM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- ເຕືອນ: ບໍ່ໃຊ້ຜະລິດຕະພັນເມື່ອມີການເປາເພ
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- ໃຊ້ດີທີ່ສຸດກ່ອນ 24 ເດືອນນັບແຕ່ມີຜະລິດ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KẾT TỪ NGÀY SẢN XUẤT



15 cm

DUONG THO

1000 KG

1000 KG

DUONG THO

90 mm

40 mm

Sản phẩm: **ĐƯỜNG THỎ – RAW SUGAR**

Thành phần: Đường mía.

Khối lượng tịnh: 50 kg.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh sáng mặt trời.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU.

Bản KhamVongSa, Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào.

90 mm

40 mm

Sản phẩm: **ĐƯỜNG THỎ – RAW SUGAR**

Thành phần: Đường mía.

Khối lượng tịnh: 1000 kg.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh sáng mặt trời.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU.

Bản KhamVongSa, Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào.

Giấy đăng ký Chứng nhận
CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
BẢN NASUOC, HUYỆN PHU VONG, TỈNH ATTAPEU, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

COID - VNM- 1-6756-497157

Bureau Veritas Certification Holding SAS, Chi nhánh Vương quốc Anh chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định là tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG AN TOÀN THỰC PHẨM 22000 - FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau:

Tiêu chuẩn ISO 22000:2018

ISO TS 22002-1:2009 Các chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm Phần 1: Sản xuất thực phẩm

Và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 V5.1

Phạm vi áp dụng của giấy chứng nhận này

SẢN XUẤT (XAY, ÉP, GIA NHIỆT, TRUNG HÒA, LỌC, BỐC HƠI, ĐUN SÔI, KẾT TINH, LY TÂM, SẤY KHÔ, SÀNG RUNG, SÀNG LỌC PHÂN LOẠI, VÀ ĐÓNG GÓI) CỦA ĐƯỜNG CHƯA QUA TÍNH CHẾ VÀ MẬT RỈ.

FSSC - Chuỗi thực phẩm Loại CIV - Chế biến các sản phẩm ổn định ở nhiệt độ phòng

FSSC - Ngày chứng nhận lần đầu:	26-02-2019
Ngày hết hạn của chu kỳ trước:	25-02-2022
Ngày quyết định chứng nhận:	18-01-2024
Ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận:	15-02-2022
Tùy thuộc vào việc tuân thủ vận hành Hệ thống Quản lý của tổ chức chứng chỉ này sẽ hết hạn vào:	25-02-2025
Giấy chứng nhận Số/Phiên bản:	VN008941 - 2
Hợp đồng Số:	12274507
Ngày cấp:	18-01-2024



FSSC 22000

Đã ký thay mặt cho BVCH SAS UK Branch

Địa chỉ của đơn vị chứng nhận: 66 Đường Prescott, Luân Đôn E1 8HG, Vương quốc Anh

Văn phòng địa phương: Phòng 4.4A, Tầng 4, Tòa nhà E-Town I, 364 Đường Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Có thể tham khảo tổ chức để biết thêm thông tin làm rõ về phạm vi của chứng chỉ này và khả năng áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý. Chứng chỉ này vẫn là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS – Chi nhánh Vương quốc Anh. Tính hợp lệ của chứng chỉ này có thể được xác minh thông qua cơ sở dữ liệu FSSC 22000 của các tổ chức được chứng nhận có sẵn trên

www.fssc22000.com

Dịch bởi : Bà Phut Ma Lay Viêng Kẹo

Giám Đốc Công Ty Dịch Thuật Công Chứng Kẹo Mạ Ny

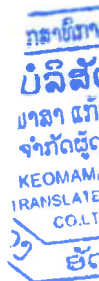
Chứng nhận bản dịch chính xác ,phù hợp nội dung từ tiếng Anh dịch sang tiếng Việt Nam được in đính kèm.

Attapeu ,Ngày 30/12/2024

GIÁM ĐỐC



ນ ພຸດມະໄລ ວຽງແກ້ວ
Miss. Phutmalay VIENGKEO





BUREAU
VERITAS

Bureau Veritas Certification



Certificate of Registration

TTC ATTAPEU SUGAR CANE SOLE CO., LTD

NASUOC VILLAGE, PHUVONG DISTRICT, ATTAPEU PROVINCE, Lao People's Democratic Republic

COID - VNM-1-6756-497157

Bureau Veritas Certification Holding SAS, UK Branch certifies that the food safety management system of the above organization has been assessed and determined to comply with the requirements of:

Standard

FOOD SAFETY SYSTEM CERTIFICATION 22000 - FSSC 22000

Certification scheme for food safety management systems, consisting of the following elements:

ISO 22000:2018

ISO TS 22002-1:2009 Prerequisite programmes on food safety Part 1: Food manufacturing

And additional FSSC 22000 requirements V5.1

This certificate is applicable for the scope of

MANUFACTURE (MILLING, PRESSING, HEATING, NEUTRALIZING, FILTERING, EVAPORATING, BOILING, CRYSTALLIZING, CENTRIFUGING, DRYING, VIBRATING, SCREEN, AND PACKING) OF UNREFINED SUGAR AND MOLASSES.

FSSC - Food Chain Category CIV - Processing of ambient stable products

FSSC - Initial certification date:	26-02-2019
Expiry date of previous cycle:	25-02-2022
Date of certification decision:	18-01-2024
Certification cycle start date:	15-02-2022
Subject to the continued satisfactory operation of the organization's Management System, this certificate expires on:	25-02-2025
Certificate No./Version:	VN008941 - 2
Contract No:	12274507
Issue Date:	18-01-2024

J-7-2-7-



0008

Signed on behalf of BVCH SAS UK Branch

FSSC 22000

Certification body address: 66 Prescott Street, London E1 8HG, United Kingdom

Local Office: Unit 4.4A, 4th Floor, E-Town 1 Building, 364 Cong Hoa Street, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of the management system requirements may be obtained by consulting the organization.

This certificate remains the property of Bureau Veritas Certification Holding SAS - UK Branch

Validity of this certificate can be verified in the FSSC 22000 database of certified organizations available on www.fssc22000.com

UKAS FSSC Template of certificate V5.1 Cat CKD2a rev 1.3

April 20, 2023



Report N°: 0000790935

Page N° 1/7

Ho Chi Minh City, Date: December 31, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 31/12/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2412A-2566

Đơn hàng: 2412A-2566

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

: TTC ATTAPEU CANE SUGAR LIMITED COMPANY

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

: 114 TRUONG CHINH, PHU DONG WARD, PLEIKU CITY, GIA LAI PROVINCE,

VIET NAM

114 TRƯỜNG CHÍNH, P. PHÙ ĐÔNG, TP. PLEIKU, TỈNH GIA LAI, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

: Client

: Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

: Đường thô-Raw sugar

Sampling date

: 11.12.2024

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

: Sugar (approx. gr. wt. 4.5kg) in 03 plastic containers

: Đường (khoảng 4.5kg bao gồm bao bì) chứa trong 03 vật chứa bằng nhựa

Sample ID

Mã số mẫu

: 2412A-2566.001

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

: December 19, 2024

: 19/12/2024

Testing period

Thời gian thử nghiệm

: December 19, 2024 - December 25, 2024

: 19/12/2024 - 25/12/2024

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

: As applicant's requirement

: Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

: Please refer to the next page(s)

: Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000790935

Page N° 2/7

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ICUMSA GS2/3-41 (2011)	1.2x10 ²	-	1	cfu/10g	
2. Total Yeast Tổng nấm men	ICUMSA GS2-47 (2022)	1	-	1	cfu/10g	
3. Total Mold Tổng nấm mốc	ICUMSA GS2-47 (2022)	6	-	1	cfu/10g	
4. Moisture (105 °C, 3h) Độ ẩm (105°C, 3 giờ)	ICUMSA GS2/1/3/6-15 (2007)	<0.03	0.01	0.03	g/100g	
5. Conductivity ash Tro dẫn điện	ICUMSA GS1/3/4/7/13 (1994)	0.046	0.00000 6	0.00002	g/100g	
6. ICUMSA color Độ màu ICUMSA	ICUMSA GS1/3-7 (2011)	605	2	7	IU	
7. Polarization Độ Pol	ICUMSA GS1-1 (2022)	99.93	-	-	°Z	
8. Reducing sugars (as glucose) Hàm lượng đường khử (quy về glucose)	ICUMSA GS1-5 (2009) (Luff-Schoorl method)	<0.1	0.03	0.1	g/100g	
9. Sulphur dioxide (SO ₂) Lưu huỳnh dioxit	ICUMSA GS3-51 (2019) (Optimized Monier-Williams Method)	Not Detected Không phát hiện	1.5	5.5	mg/kg	
10. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) 2,4-D (tổng 2,4-D, muối của nó, este và liên hợp của nó, được biểu thị bằng 2,4-D)	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected Không phát hiện	0.003	0.01	mg/kg	
11. Dicamba Dicamba	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected Không phát hiện	0.05	0.2	mg/kg	
12. Imazapic Imazapic	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected Không phát hiện	0.003	0.01	mg/kg	
13. Glyphosate Glyphosate	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not Detected Không phát hiện	0.003	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,

Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000790935

Page N° 3/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
14. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran, expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran tạo ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và 3-OH carbofuran quy về carbofuran)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
15. Isoxaflutole (sum of isoxaflutole and its diketonitrile-metabolite RPA 202248, expressed as isoxaflutole) <i>Isoxaflutole (tổng của isoxaflutole và chất chuyển hóa Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 của nó, quy về isoxaflutole)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
16. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone, expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb và các aldicarb sulfoxide, aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
17. Cyhalothrin-lambda and Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
18. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
19. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
20. Trinexapac-ethyl <i>Trinexapac-ethyl</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
21. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000790935

Page N° 4/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
22. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
23. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
24. Carbofuran <i>Carbofuran</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
25. 3-Hydroxycarbofuran (3-OH carbofuran) <i>3-Hydroxycarbofuran (3-OH carbofuran)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
26. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
27. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
28. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
29. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
30. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
31. Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 <i>Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
32. Novaluron (sum of constituent isomers) <i>Novaluron (tổng các đồng phân cấu thành)</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
33. Mesotrione <i>Mesotrione</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
34. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	EN 15662:2018 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
35. Arsenic (As) <i>Asen</i>	ICUMSA GS9-1 (2019)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
36. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	ICUMSA GS9-1 (2019)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
37. Lead (Pb) <i>Chì</i>	ICUMSA GS9-1 (2019)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory; Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory; Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000790935

Page N° 5/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
38. Mercury (Hg) Thủy ngân	ICUMSA GS9-1 (2019)	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested, according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100 mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000790935

Page N° 6/7

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000790935

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Page N° 7/7

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.